TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:82/2018/HSST
Ngày 27 -11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Đông.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Ngô QuốcVũ.
Ông Nguyễn Xuân Tung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2018/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với:

**** Các bị cáo:***

1. Trương Văn D, sinh năm 1990; tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Thôn G, xã P, huyện Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; vợ: Vũ Thị Thanh H; con: Có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 11/9/2018, đến ngày 20/9/2018 chuyển tạm giam; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Ngô Tiến Đ, sinh năm 1995; tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Thôn C, xã Ch, huyện Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; vợ; con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 11/9/2018, đến ngày 20/9/2018 chuyển tạm giam; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Lê Quốc H, sinh năm 1989; Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1984; Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988; Anh Đỗ Quang C, sinh năm 1991; Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1989; Anh Lê Tiến D, sinh năm 1979; Anh Chu Đức H, sinh năm 1988; Chị Tạ Thị N, sinh năm 1998; Chị Khúc Thị H, sinh năm 1994; Chị Dương Thị Hà M, sinh năm 1995; Chị Lê Phương T, sinh năm 1998; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 11/9/2018, tổ công tác của Công an huyện D phối hợp với Công an thị trấn Đ tiến hành kiểm tra cơ sở kinh doanh karaoke 119 ở khu đô thị Đ thuộc phố N, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam do ông Lại Văn H, sinh năm 1966, trú tại thôn S, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam là chủ cơ sở. Quá trình kiểm tra, tổ công tác phát hiện tại phòng VIP 6789 trên tầng 2 của cơ sở kinh doanh có 14 đối tượng đang hát có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy, gồm: Ngô Tiến Đ, sinh năm 1995, trú tại thôn C, xã Ch, huyện Ph, thành phố Hà Nội; Trương Văn D, sinh năm 1990, Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, Lê Quốc H, sinh năm 1989, Trịnh Văn H, sinh năm 1984, Nguyễn Văn N, sinh năm 1988, Đỗ Quang C, sinh năm 1991, Nguyễn Văn N, sinh năm 1989, Lê Tiến D, sinh năm 1979 đều trú tại thôn G, xã P, huyện Ph, thành phố Hà Nội; Chu Đức H, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã A, huyện D, thành phố Hải Phòng; Tạ Thị N, sinh năm 1998, trú tại thôn B, xã T, huyện Th, tỉnh Thái Bình; Khúc Thị H, sinh năm 1994, trú tại thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình; Dương Thị Hà M, sinh năm 1995, trú tại xóm 3 thôn T, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội; Lê Phương T, sinh năm 1998, trú tại thôn P, xã M, huyện B, thành phố Hà Nội và thu giữ các vật chứng liên quan.

* *Vật chứng thu giữ gồm:* Thu tại nền phòng hát (khu vực giữa phòng) VIP 6789: 01 túi nilon màu trắng, KT (06x04)cm, bên trong có 01 viên nén hình tròn, màu ghi xám, đường kính 0,9cm, trên viên nén có in chữ LV, được niêm phong trong phong bì ký hiệu TG01; Thu tại vị trí Lê Phương T đang ngồi: 01 túi xách của T, loại màu nâu, đen xám, bên trong túi có 01 mảnh vỡ của dạng viên nén màu ghi xám, đường kính 0,3cm, được niêm phong trong phong bì ký hiệu TG02;

Ngoài ra, quá trình điều tra, các đối tượng đã tự giác giao nộp đồ vật, tài sản, gồm: Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp: 02 chiếc điện thoại đi động, trong đó: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng, số IMEIL: 355404071349430, bên trong máy có lắp 01 sim điện thoại Viettel, mang số thuê bao: 01626695555 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen, số IMEIL: 353681084538693, bên trong máy có lắp 01 sim điện thoại Viettel, mang số thuê bao: 0961612211; Trương Văn D tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F1S, vỏ màu hồng, mặt trước màn hình điện thoại đã bị vỡ, nứt nhiều vết, bên trong máy có lắp 01 sim điện thoại Viettel, mang số thuê bao: 0983635500; Ngô Tiến Đ tự nguyện giao nộp: 02 chiếc điện thoại di động, trong đó: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE, vỏ màu vàng hồng, số IMEIL: 013973001282071, bên trong máy có lắp 01 sim điện thoại Vinaphone, mang số thuê bao: 01238421543; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen, số IMEIL: 356005088084404, bên trong máy có lắp 01 sim điện thoại Vinaphone, mang số thuê bao: 0919182021 và số tiền 3.800.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Ngô Tiến Đ ở thôn C, xã Ch, huyện Ph, thành phố Hà Nội và Trương Văn D ở thôn G, xã P, huyện Ph, thành phố Hà Nội, cơ quan CSĐT Công an huyện D không thu giữ gì.

Về nguồn gốc số ma túy, Ngô Tiến Đ và Trương Văn D khai nhận: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 11/9/2018, Trương Văn D, Lê Quốc H, Trịnh Văn H, Nguyễn Văn N, Đỗ Quang C, Nguyễn Văn N1 và Lê Tiến D cùng nhau uống rượu tại P, huyện Ph, thành phố Hà Nội. Quá trình uống rượu, các đối tượng rủ nhau khi uống rượu xong sẽ đến quán karaoke 119 ở Khu đô thị Đ để hát karaoke thì tất cả đều đồng ý. Sau đó, N, H, D và N1 đi đến quán karaoke 119 trước. Đến nơi, D thuê phòng hát VIP 6789 và gọi 4 nhân viên nữ vào phục vụ gồm: Tạ Thị N, Khúc Thị H, Dương Thị Hà M và Lê Phương T. Sau đó D, C, H đi đến, vào phòng hát cùng các đối tượng. Tại đây, các đối tượng thống nhất rủ nhau mua ma túy (thường gọi là kẹo, kí hiệu MDMA) về sử dụng thì tất cả đều đồng ý. Do biết Ngô Tiến Đ có thể mua được ma túy nhưng vì chưa có số điện thoại của Đ nên D gọi điện cho Nguyễn Văn T rủ T đến quán hát karaoke 119 hát cùng và nhờ T bảo Đ mua hộ 10 viên kẹo (loại ma túy tổng hợp, kí hiệu MDMA) thì T đồng ý. Sau đó, T sử dụng điện thoại đi động Iphone 6, số 01626695555 gọi đến số máy 0919182021 của Ngô Tiến Đ để nhờ Đ mua ma túy hộ D nhưng Đ không nghe máy nên T nhắn tin gửi số điện thoại của Đ cho D. Sau đó, D sử dụng điện thoại OPPO F1S, số máy 0983635500 gọi đến số 0919182021 của Đ để nhờ Đ mua ma túy. Khi Đ nghe máy, D nói *"Anh là em anh T, em xuống chưa, em xuống lấy hộ anh 10 viên kẹo xuống 119"*. Nghe D nói, Đ hiểu ý của D hỏi Đ đã xuống quán karaoke 119 chưa và nhờ Đ mua hộ 10 viên "kẹo" mang xuống quán 119 nên Đ đồng ý, nói "*Em đang xuống"*. Đến khoảng hơn 15 giờ 00 cùng ngày, Đ một mình đi xe taxi đến khu vực sân bóng thuộc khu đô thị Đ thì Đ nhìn thấy T1, không xác định được họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, do đã từng mua ma túy của T1 nên Đ bảo lái xe dừng lại, Đ xuống gặp T1 và hỏi mua 10 viên ma túy (thường gọi là kẹo) thì T1 đồng ý. Do T1 không có sẵn ma túy nên Đ hẹn T1 mang đến khu vực trước cửa quán hát 119 giao cho Đ, T1 đồng ý. Sau đó, Đ trả tiền taxi và đi bộ đến khu vực trước cửa quán hát 119 đợi T1. Khoảng 10 phút sau, T1 một mình đi đến đưa cho Đ 10 viên ma túy tổng hợp dạng viên nén hình tròn, màu ghi xám, một mặt có in chữ LV, để trong một túi nilon màu trắng. Do không đủ tiền nên Đ đã nợ T1 số tiền mua 10 viên ma túy là 4.000.000 đồng, T1 đồng ý. Sau đó, Đ cầm túi nilon bên trong có 10 viên ma túy vừa mua được đi lên đến cửa phòng hát VIP 6789 thì gặp D, Đ hỏi D "*Anh T đâu?"* D nói "*Anh T chưa đến, lấy được đồ chưa*?", Đ đưa túi ma túy vừa mua được cho D. D cầm túi ma túy Đ đưa rồi cùng Đ đi vào bên trong phòng hát VIP 6789. Khi vào trong phòng hát, D bẻ lấy một nửa viên ma túy sử dụng, số ma túy còn lại D vẫn để trong túi nilon và để ra mặt bàn trong phòng hát, nói "*Đồ để trên bàn, ai chơi thì lấy*". Sau đó, tại phòng hát VIP 6789 các đối tượng cùng nhau sử dụng số ma túy trên, cụ thể: Dương Thị Hà M và Tạ Thị N mỗi người sử dụng 01 viên; Lê Phương T được một người trong phòng hát, không xác định được là ai đưa cho 01 viên "kẹo", T sử dụng khoảng 2/3 viên, còn lại 01 mảnh, T cất vào trong túi xách và bị thu giữ sau đó; các đối tượng Ngô Tiến Đ, Trịnh Văn H, Nguyễn Văn N, Đỗ Quang C, Lê Quốc H, Nguyễn Văn N1, Lê Tiến D mỗi đối tượng sử dụng một nửa viên. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn T và Chu Đức H đến, đi vào phòng hát, D chỉ tay về phía mặt bàn để túi ma túy "kẹo" và bảo "Có kẹo trên mặt bàn, anh chơi thì lấy" thấy vậy T và H mỗi đối tượng lấy và sử dụng một nửa viên ma túy "kẹo".

Tổng số ma túy "kẹo" các đối tượng khai nhận đã sử dụng là 08 viên, tính cả 1/3 viên thu giữ trong túi xách của Lê Phương T. Sau đó, các đối tượng tiếp tục hát cho đến khi bị lực lượng Công an phát hiện, kiểm tra, thu giữ các vật chứng liên quan.

Tại Bản kết luận giám định số 177/KLGĐ-PC09-MT ngày 13/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Mẫu một viên nén hình tròn, màu ghi, một mặt in chữ "LV" trong mẫu gửi giám định ký hiệu TG01 có khối lượng 0,3249g; Mẫu một mảnh chất bột dạng cục màu ghi trong mẫu gửi giám định ký hiệu TG02 có khối lượng 0,0445g; Mẫu gửi giám định ký hiệu TG01 và TG02 đều là ma túy, loại MDMA (*MDMA là chất ma túy có số thứ tự 27, thuộc bảng Danh mục I, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.*

Cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 06/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố các bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; riêng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Duy. Xử phạt: Trương Văn D từ 18 đến 21 tháng tù; Ngô Tiến Đ từ 15 đến 18 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo, ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về xử lý vật chứng và tuyên án phí đối với các bị cáo.

Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt ngoài ra không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ ngày 11/9/2018, do có nhu cầu sử dụng ma túy, thường gọi là "Kẹo", nên Trương Văn D đã nhờ Ngô Tiến Đ mua hộ 10 viên ma túy "Kẹo" đem đến phòng Vip 6789 của Cơ sở kinh doanh Karaoke 119 thuộc Khu đô thị Đ, phố N, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam, Đ đồng ý. Sau khi mua được 10 viên ma túy "Kẹo", Đ mang đến cửa phòng Vip 6789 đưa cho Trương Văn D. D cầm số ma túy Đ đưa mang vào phòng hát rồi cùng các đối tượng sử dụng.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, D cùng các đối tượng đã sử dụng và còn 01 viên ma túy, loại MDMA có khối lượng 0,3249g và 01 mảnh ma túy loại MDMA có khối lượng 0,0445g thì bị tổ công tác Công an huyện D đã phát hiện, thu giữ. Tổng số MDMA thu giữ là 0.3694 gam (MDMA *là chất ma túy có số thứ tự 27, thuộc bảng Danh mục I, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ).*

Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu trật tự trị an tại địa phương, hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo là người nghiện ma túy nhưng không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định tại Điều 52 BLHS; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo D có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố đã mất, mẹ bị bệnh, vợ không có nghề nghiệp, con còn nhỏ, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, ông nội là thương binh có xác nhận của chính quyền địa phương nên bị cáo D còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo: Trương Văn D là người khởi xướng và nhờ Ngô Tiến Đ mua ma túy loại MDMD về sử dụng nên giữ vai trò đầu vụ, Ngô Tiến Đ giữ vai trò đồng phạm.

Mặc dù các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự nhưng với tính chất hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện như đã phân tích ở trên, HĐXX thấy cần phải ấn định mức hình phạt tương xứng cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Đối với Lê Phương T đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và cất giấu trái phép 0,0445g chất ma túy (MDMA) mục đích để sử dụng nhưng do khối lượng ma túy nhỏ (dưới 0,1 gam), bản thân Lê Phương T chưa có tiền án, tiền sự về các tội qui định tại các điều 248, 250, 251 và 252 BLHS nên hành vi của Lê Phương T không cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" quy định tại Điều 249 BLHS, Công an huyện D đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Qúa trình điều tra, Ngô Tiến Đ khai báo: Nguyễn Văn T là người rủ Đ đến quán hát Karaoke 119 và nhờ Đ mua ma túy mang đến quán hát sử dụng. T đưa cho Đ 2.500.000đ để mua ma túy. Trên đường đi, Đ nhận được điện thoại của D bảo Đ mua ma túy đem đến phòng hát đưa cho D. Tuy nhiên, T khai nhận là có đưa trả nợ Đ 2.500.000đ do T vay trước đó. Ngoài lời khai của Đ, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc T đưa cho Đ 2.500.000đ để nhờ Đ

mua ma túy đem đến quán hát 119 để sử dụng nên không có căn cứ để khởi tố, điều tra đối với Nguyễn Văn T về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn T, Lê Quốc H, Trịnh Văn H, Nguyễn Văn N, Đỗ Quang C, Nguyễn Văn N1, Lê Tiến D, Chu Đức H, Tạ Thị N và Dương Thị Hà M, Công an huyện D đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với vi phạm trong lĩnh vực kinh doanh tại cơ sở kinh doanh karaoke 119, Công an huyện D đã báo cáo đề xuất Chủ tịch UBND huyện D ra quyết định xử phạt hành chính theo quy định.

Đối với người đàn ông tên T đã bán ma túy Ngô Tiến Đ, do không xác định được họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan CSĐT Công an huyện D không có cơ sở để xác minh, xử lý.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 phong bì niêm phong có số 177/GĐMT cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động loại nhãn hiệu OPPO F1S của Trương Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, số IMEIL: 356005088084404, bên trong máy có lắp 01 sim điện thoại của Ngô Tiến Đ và và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 thu của Nguyễn Văn T là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE có IMEIL: 013973001282071, bên trong máy có lắp 01 sim điện thoại và số tiền 3.800.000 đồng của Ngô Tiến Đ không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Ngô Tiến Đ;

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 có IMEIL: 353681084538693, bên trong có 01 sim điện thoại thu của Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh Nguyễn Văn T.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1/Tuyên bố các bị cáo Trương Văn D, Ngô Tiến Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 đối với các bị cáo;

Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D.

Xử phạt:

- Trương Văn D 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2018.

- Ngô Tiến Đ 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2018.

2/Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong có số 177/GĐMT.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động loại nhãn hiệu OPPO F1S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, số IMEIL:

356005088084404, bên trong máy có lắp 01 sim điện thoại và và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6.

- Trả lại bị cáo Ngô Tiến Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE có IMEIL: 013973001282071, bên trong máy có lắp 01 sim điện thoại và số tiền 3.800.000 đồng

- Trả lại anh Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 có IMEIL: 353681084538693, bên trong có 01 sim điện thoại.

(Đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D ngày 08/11/2018, riêng số tiền đã được chuyển qua tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D ngày 08/11/2018).

3/Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội các bị cáo Trương Văn D, Ngô Tiến Đ mỗi bị cáo phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận:</u>
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an huyện D;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;người có QL,NV liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Đông